

Bản án số: 18 /2024/LĐ-PT

Ngày: 20-12-2024.

*“V/v Tranh chấp quyền, lợi ích
liên quan đến tiền lương”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Tố Hương;

Các thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy;

Ông Trần Nam Trung.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Út – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Tăng Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và ngày 20 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2024/TLPT-LĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc *“Tranh chấp quyền, lợi ích liên quan đến tiền lương”*.

Do bản án lao động sơ thẩm số: 04/2024/LĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 285/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Các nguyên đơn:

1. Ông Hồ Thanh Đ, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn S, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

4. Ông Huỳnh Bá T1, địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

5. Ông Huỳnh Bá P, địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn: Ông Đặng Thu Đ1, theo văn bản ủy quyền ngày 25/8/2020 (ông Đ1 có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường P, khóm G, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư của Văn phòng L Chi Nhánh S2, thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (ông N có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường Q, khóm A, phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ: Số H đường P, Phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H – chức vụ: Phó phụ trách Phòng Tổ chức hành chính, theo giấy ủy quyền số 51/GUQ-ĐST/2024 ngày 04-12-2024 (ông H có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***. Theo đơn khởi kiện cùng ngày 24/11/2020 của các nguyên đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Đặng Thu Đ1 có nội dung như sau:**

Ông Hồ Thanh Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Bá T1, Huỳnh Bé P1 là người lao động của Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty). Ngày 30-9-2016, Công ty Cổ phần M và Công đoàn cơ sở của công ty có ký thỏa ước lao động tập thể và tại Điều 5 có nội dung: “Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông hàng năm thông qua). Tiền lương người lao động được đảm bảo chi trả đúng quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng của Công ty” và đơn giá tiền lương mỗi tấn sản phẩm của vụ đường năm 2017-2018 là 800.000 đồng.

Theo Điều 2 Quy chế tiền lương, tiền thưởng do Hội đồng quản trị Công ty ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2017 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 - sau đây viết là Quy chế tiền lương) quy định "Quỹ tiền lương gắn liền với hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nên thu nhập của người lao động có thể thay đổi theo từng tháng hoặc kỳ sản xuất dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được Tổng Giám đốc giao cho từng đơn vị hoặc cá nhân" và theo các Hợp đồng lao động đã ký kết thì công ty trả lương cho công nhân theo sản phẩm. Từ đó tiền lương phụ thuộc vào sản lượng đường làm ra.

Vụ sản xuất năm 2016-2017, Công ty còn thừa quỹ lương 715.002.892 đồng. Kết thúc vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01-7-2017 đến ngày 30-6-2018), Công ty Đ2 sản lượng 45.538,45 tấn đường nhập kho và đơn giá tiền lương mỗi

tấn là 800.000 đồng nên Q lương trích trong vụ này là 36.430.760.000 đồng (45.538,45 tấn x 800.000 đồng/tấn). Trong vụ 2017-2018, Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động hết 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng nên Công ty còn thừa quỹ tiền lương là 9.619.591.775 đồng nhưng không chi trả cho người lao động mà Hội đồng Quản trị lại ban hành Nghị quyết số 05 ngày 04-01-2019 để hoàn nhập số tiền này giảm lỗ cho vụ 2018-2019, sau đó là Nghị quyết số 45 ngày 15-5-2019 đã bổ sung số tiền trên vào quỹ lương của vụ 2018- 2019.

Việc sử dụng quỹ lương như trên là trái với Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tiền lương, nên các nguyên đơn yêu cầu Công ty phải thanh toán cho các nguyên đơn quỹ tiền lương còn thừa của vụ 2017-2018 như đã nêu trên. *Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Buộc Công ty Cổ phần M chi trả quỹ lương còn thừa là 8.904.588.883 đồng (9.619.591.775 đồng - 715.002.892 đồng) của vụ sản xuất năm 2017 - 2018 theo tỷ lệ mức lương của từng người được hưởng tại thời điểm tháng 6-2018 với tổng số tiền là 115.350.782 đồng, cụ thể từng người như sau:

- Ông Hồ Thanh Đ: Tiền lương hàng tháng là 3.636.000 đồng, số tháng lương được hưởng là 5,75 tháng, thành tiền là 20.907.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn S: Tiền lương hàng tháng là 3.517.000 đồng, số tháng lương được hưởng là 5,75 tháng, thành tiền là 20.222.750 đồng.

- Ông Nguyễn Văn T: Tiền lương hàng tháng là 5.200.000 đồng, số tháng lương được hưởng là 5,75 tháng, thành tiền là 29.900.000 đồng.

- Ông Huỳnh Bá T1: Tiền lương hàng tháng là 3.761.962 đồng, số tháng lương được hưởng là 5,75 tháng, thành tiền là 21.361.282 đồng.

- Ông Huỳnh Bá P: Tiền lương hàng tháng là 3.993.000 đồng, số tháng lương được hưởng là 5,75 tháng, thành tiền là 22.959.750 đồng.

****. Theo ý kiến của bị đơn và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền có nội dung như sau:***

Quỹ lương còn thừa của vụ 2016-2017 là 715.002.892 đồng. Quỹ lương trích trong vụ 2017-2018 là 36.430.760.000 đồng, tương đương với 45.538,45 tấn đường sản xuất được nhân (x) với đơn giá tiền lương 800.000 đồng/tấn. Công ty đã chi tiền lương 12 tháng cho người lao động là 24.520.252.317 đồng, chi thưởng 3.005.918.800 đồng nên Quỹ tiền lương còn lại của vụ 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng. Số tiền 9.619.591.775 đồng này được xác định trên cơ sở báo cáo sản xuất kinh doanh của Công ty.

Quỹ tiền lương được xác định căn cứ trên sản lượng và lợi nhuận của Công ty. Năm 2017-2018, theo Báo cáo tài chính thì Công ty lãi 5.426.613.437 đồng trước thuế, nhưng thực chất là lỗ do 6.000 tấn hàng bị trả lại và 16.535,05 tấn hàng tồn kho với giá thành cao. Nên tại cuộc họp ngày 04/01/2019, Hội đồng

quản trị đã ban hành Nghị quyết 05/NQ-HĐQT.2019 với nội dung hoàn nhập Quỹ tiền lương 9.619.591.775 đồng còn lại của năm 2017-2018 để giảm lỗ.

Đến tháng 5/2019, do sản lượng và lợi nhuận đạt thấp, quỹ lương không đủ chi cho người lao động theo đơn giá tiền lương 600.000 đồng/tấn đường đã phê duyệt nên Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT.2019 ngày 15/5/2019 (thay thế cho Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019) quyết định sử dụng số tiền trên bổ sung cho quỹ lương của năm 2018-2019.

Theo Điều lệ Công ty thì Tổng Giám đốc không có quyền xử lý quỹ lương thừa của vụ 2017-2018 và việc quyết định Quỹ tiền lương thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nên việc Hội đồng quản trị điều chỉnh Quỹ tiền lương năm 2017-2018 theo 02 Nghị quyết trên là đúng pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Công ty cho rằng đã trả lương năm 2017-2018 cho các nguyên đơn theo đúng hợp đồng lao động và thang, bảng lương, đến năm 2018-2019 quỹ lương còn thừa năm trước chuyển sang đã được công ty chi trả hết cho người lao động nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2024/LĐ-ST ngày 21-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, tuyên xử như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung); Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Hồ Thanh Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Bá T1 và ông Huỳnh Bá P.

1. Buộc Công ty cổ phần M thanh toán quỹ tiền lương 8.904.588.883 đồng còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) cho các nguyên đơn gồm:

Ông Hồ Thanh Đ số tiền 20.907.000 đồng (hai mươi triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn S số tiền 20.222.750 đồng (hai mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn T số tiền 29.900.000 đồng (hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Bá Thừa S1 tiền 21.361.282 đồng (hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng).

Ông Huỳnh Bá P số tiền 22.959.750 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về trả lương được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần M phải chịu là 3.460.523 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, năm trăm hai mươi ba) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*. Ngày 15-7-2024, bị đơn Công ty Cổ phần M kháng cáo Bản án sơ thẩm số 04/2024/LĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 của TAND thành phố S, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm tghéo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do: Bản án sơ thẩm nhận định buộc Công ty phải trả cho các nguyên đơn số tiền còn thừa của quỹ lương 2017-2018 là không có cơ sở, bởi Hội đồng Quản trị ban hành Nghị quyết bổ sung quỹ lương. Hệ quả từ quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là vi phạm pháp luật doanh nghiệp liên quan đến quyền tự quyết trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, trong đơn xét xử vắng mặt có ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xét xử vắng mặt có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần M đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo và còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

năm 2015, nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Đặng Thu Đ1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đặng Thu Đ1 và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần M (nay viết tắt là Công ty) đều xác nhận các nguyên đơn là người lao động của Công ty, lĩnh lương hàng tháng trong vụ sản xuất 2017-2018. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tình tiết mà các nguyên đơn không phải chứng minh.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty thừa nhận vụ sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017-2018 thì quỹ lương còn thừa là 8.904.588.883 đồng.

[3.3] Tại Điều 5 của Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 quy định: *“Công ty áp dụng hình thức trả lương theo sản phẩm (đơn giá theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua). Tiền lương của người lao động được đảm bảo chi trả đúng Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng của công ty”*. Điều 25 Quy chế thanh toán tiền lương, thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 161/QĐ-TGĐ.2009 ngày 31/8/2009 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần M thì việc xử lý quỹ lương thừa được xác định như sau: *“...Hình thức chi theo cách phân phối sản phẩm theo hệ số CBCV + thành tích thi đua cá nhân tại mỗi thời điểm chi thích hợp; Thanh toán hết cho người lao động được hưởng trong thời hạn không quá quy định của pháp luật vào đầu năm sau”*. Khoản 3 Điều 10 Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009) quy định việc xử lý quỹ lương thừa như sau: *“...Tổng giám đốc sẽ quyết định chi hết trong thời gian theo quy định đảm bảo chi phí được trừ khi xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp”*.

[3.4] Khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Thông tư số 96/2016/TT-BTC ngày 22/6/2016 của Bộ T2, hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ, quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì quỹ tiền lương không thuộc doanh thu để tính thu nhập chịu thuế và không thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

[3.5] Như vậy, theo Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng nêu trên thì quỹ tiền lương còn lại (còn thừa) của niên vụ 2017-2018 phải được thanh toán cho người lao động tham gia lao động trong mùa vụ sản xuất, kinh doanh 2017-2018.

[3.6] Theo phía bị đơn, Hội đồng quản trị của Công ty ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT.2019 ngày 04/01/2019, trong đó tại mục 11 Điều 1 thể hiện nội dung: “*Quỹ lương còn lại của vụ 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng, yêu cầu BCH hoàn nhập trong vụ 2018-2019 để giảm lỗ cho công ty*”; sau đó ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT ngày 15/5/2019 quy định: “*...Thống nhất sử dụng quỹ tiền lương còn lại của năm 2017-2018 là 9.619.591.775 đồng để bổ sung cho quỹ lương năm 2018-2019 để đảm bảo đủ nguồn chi lương cho NLD*”. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, các Nghị quyết này ban hành khi gần kết thúc mùa vụ sản xuất kinh doanh 2018-2019 để chi phối quỹ tiền lương của mùa vụ 2017-2018 (mùa vụ này đã kết thúc từ ngày 30/6/2018) là không đúng với Thỏa ước lao động tập thể ngày 30/9/2016 và Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-HĐQT.2017 (thay thế Quy chế thanh toán tiền lương, tiền thưởng năm 2009).

[3.7] Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, lấy quỹ tiền lương còn thừa mùa vụ 2017-2018 là 8.904.588.883 đồng chia cho tổng tiền lương thực tế mà Công ty chi trả cho tất cả người lao động vào tháng cuối cùng của mùa vụ 2017-2018, tức tháng 6/2018 (1.547.373.212 đồng), để từ đó tính ra số lương bình quân mỗi người lao động được hưởng thêm 5,75 tháng, nhân với số tiền lương chính, phụ cấp thâm niên, số tháng thực tế mà các nguyên đơn đã làm việc, cụ thể: Công ty phải trả cho ông Hồ Thanh Đ 20.907.000 đồng, ông Nguyễn Văn S 20.222.750 đồng, ông Nguyễn Văn T là 29.900.000 đồng, ông Huỳnh Bá T1 21.361.282 đồng và ông Huỳnh Bá P là 22.959.750 đồng, là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3.8] Với những phân tích nêu trên, nhận thấy Công ty cổ phần M kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3.9] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm.

[3.10] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần M là người kháng cáo không được chấp nhận và cũng không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Công ty phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần M.

Giữ nguyên Bản án lao động sơ thẩm số 04/2024/LĐ-ST ngày 21-6-2024 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 95, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2012 (sửa đổi, bổ sung); Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Hồ Thanh Đ, ông Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Bá T1 và ông Huỳnh Bá P.

1. Buộc Công ty cổ phần M thanh toán quỹ tiền lương 8.904.588.883 đồng còn thừa của vụ sản xuất 2017-2018 (từ ngày 01/7/2017 đến ngày 30/6/2018) cho các nguyên đơn gồm:

Ông Hồ Thanh Đ số tiền 20.907.000 đồng (hai mươi triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn S số tiền 20.222.750 đồng (hai mươi triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Ông Nguyễn Văn T số tiền 29.900.000 đồng (hai mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng).

Ông Huỳnh Bá Thừa S1 tiền 21.361.282 đồng (hai mươi một triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn, hai trăm tám mươi hai đồng).

Ông Huỳnh Bá P số tiền 22.959.750 đồng (hai mươi hai triệu, chín trăm năm mươi chín nghìn, bảy trăm năm mươi đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty cổ phần M phải chịu là 3.460.523 (ba triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, năm trăm hai mươi ba đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền Công ty cổ phần M đã

nộp tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001930 ngày 19-7-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Bị đơn đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố S;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Tố Hương